

QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ ĐỐI NGOẠI TÔN GIÁO

★ TS PHẠM THANH HẰNG

*Viện Dân tộc và Tôn giáo,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

- **Tóm tắt:** Trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, tôn giáo không chỉ thuần túy là vấn đề đức tin mà còn trở thành một kênh đối ngoại quan trọng nhằm xây dựng hình ảnh đất nước trên trường quốc tế. Bài viết tập trung làm rõ quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đối ngoại tôn giáo. Từ đó, bài viết khẳng định tính nhất quán trong quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước nhằm tạo cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn vững chắc cho sự phát triển của đối ngoại tôn giáo phù hợp với lợi ích quốc gia - dân tộc trong kỷ nguyên mới.
- **Từ khóa:** đối ngoại; đối ngoại tôn giáo; quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1. Mở đầu

Tôn giáo là lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm và có sức lan tỏa rộng trong đời sống xã hội. Cùng với quá trình đổi mới đất nước và sự mở rộng quan hệ đối ngoại trên mọi phương diện, đối ngoại tôn giáo ngày càng được chú trọng, góp phần xây dựng hình ảnh đất nước Việt Nam thân thiện, khoan dung và tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Đối ngoại là các hoạt động, chính sách của một quốc gia nhằm thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ với các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế nhằm mục tiêu thúc đẩy hợp tác, phát triển, bảo vệ lợi ích quốc gia và nâng cao vị thế quốc tế. Đối ngoại tôn giáo là một bộ phận trong tổng

thể hoạt động đối ngoại, liên quan đến việc thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ quốc tế trên lĩnh vực tôn giáo. Nói cách khác, đây là hoạt động mà các cơ quan nhà nước, tổ chức tôn giáo hoặc các cá nhân đại diện thực hiện nhằm giao lưu, hợp tác với các tổ chức tôn giáo, cá nhân, chính phủ hoặc tổ chức quốc tế ở nước ngoài về các vấn đề liên quan đến tôn giáo.

Đảng và Nhà nước Việt Nam nhất quán quan điểm tôn giáo là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân và khuyến khích các tổ chức tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đóng góp vào sự phát triển của đất nước, trong đó có lĩnh vực đối ngoại. Trên cơ sở đó, hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng

và chính sách, pháp luật của Nhà nước đã từng bước được hoàn thiện, tạo điều kiện cho sự phát triển của đối ngoại tôn giáo.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm, đường lối của Đảng về đối ngoại tôn giáo

Trong tiến trình phát triển của đất nước, đối ngoại được xác định là một lĩnh vực quan trọng của sự nghiệp cách mạng. Trải qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là từ khi Đảng ta tiến hành công cuộc đổi mới năm 1986, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại, trong đó có đối ngoại tôn giáo ngày càng được xác định cụ thể, rõ ràng, toàn diện và phù hợp với tình hình thế giới cũng như yêu cầu của lợi ích quốc gia - dân tộc.

Đại hội VI của Đảng (năm 1986) mở ra bước ngoặt trong đổi mới tư duy đối ngoại. Trước tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, cơ hội và thách thức đan xen, Đại hội VI với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật”, “đổi mới tư duy” đã xác định mục tiêu của chính sách đối ngoại là kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước (kể cả các nước có chế độ kinh tế, chính trị, xã hội khác nhau) nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc⁽¹⁾.

Đánh dấu sự cụ thể hóa tư duy đổi mới về đối ngoại của Đại hội VI là Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 20-5-1988 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới. Nghị quyết số 13-NQ/TW đề ra

phương châm “Lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hòa bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế”⁽²⁾. Những nội dung chỉ đạo cụ thể được nêu trong Nghị quyết là quan điểm “thêm bạn, bớt thù”, xây dựng quan hệ hòa bình, hợp tác đa dạng, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, chuyển từ đối đầu sang hợp tác, tận dụng toàn cầu hóa và công nghệ để nâng cao vị thế Việt Nam⁽³⁾. Nghị quyết số 13-NQ/TW góp phần quan

trọng vào việc phá thế bao vây, cấm vận, mở đường cho hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để từng bước phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Đây là sự mở đầu của đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, được khẳng định liên tục trong các nhiệm kỳ đại hội sau đó.

Tiếp nối tư duy đổi mới trong đối ngoại từ Đại hội VI và Nghị quyết 13-NQ/TW, Nghị quyết số 08A-NQ/HNTW ngày 27-3-1990 của Hội nghị Trung ương 8 khóa VI đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị và sự nhạy bén của Đảng trong điều chỉnh chiến lược đối ngoại giữa bối cảnh quốc tế phức tạp. Một số quan điểm nổi bật gồm: đề cao tinh thần độc lập, tự chủ, khắc phục giáo điều, y lại; mở rộng đối ngoại theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”; đa dạng hóa quan hệ quốc tế để phá thế bao vây, cấm vận; ủng hộ phong trào cách mạng thế giới theo cách tiếp cận thực tiễn, linh hoạt hơn⁽⁴⁾. Đây là dấu mốc quan trọng, khẳng định sự chuyển đổi từ

Đảng và Nhà nước Việt Nam nhất quán quan điểm tôn giáo là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân và khuyến khích các tổ chức tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, đóng góp vào sự phát triển của đất nước, trong đó có lĩnh vực đối ngoại. Trên cơ sở đó, hệ thống quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đã từng bước được hoàn thiện, tạo điều kiện cho sự phát triển của đối ngoại tôn giáo.

tư duy đối ngoại mang tính phòng thủ sang chủ động, từ lệ thuộc vào một cực sang hợp tác đa phương toàn diện, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu.

Trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ đường lối đối ngoại, Đại hội VII (năm 1991) lần đầu tiên xác lập đầy đủ vai trò then chốt của công tác đối ngoại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu cốt lõi được khẳng định là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước, đồng thời góp phần vào sự nghiệp vì hòa bình, độc lập và tiến bộ xã hội. Những điểm mới nổi bật gồm: hợp tác bình đẳng với mọi quốc gia không phân biệt chế độ; phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước”; mở rộng đối ngoại đảng, kể cả với các chính đảng khác hệ tư tưởng; và gắn đối ngoại chặt chẽ với phát triển kinh tế, giữ gìn bản sắc dân tộc trên nguyên tắc độc lập, chủ quyền, cùng có lợi⁽⁵⁾.

Sau Đại hội VII, hoạt động đối ngoại nhân dân đã có bước phát triển, góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20-9-1994 về mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân. Chỉ thị đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy đối ngoại của Đảng, khi chính thức đưa đối ngoại nhân dân trở thành trụ cột song song với đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước, góp phần tăng cường thế trận đối ngoại nhân dân, tăng cường sức mạnh mềm của Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ kết quả thực tiễn 10 năm đổi mới đất nước, Đại hội VIII của Đảng (năm 1996) tiếp tục khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại. Bước phát triển mới là, lần

đầu tiên Đại hội VIII nêu chủ trương “hội nhập khu vực” và “hội nhập toàn cầu”. Đây là nội dung quan trọng, đánh dấu điểm mới có tính chất chiến lược, chuyển từ hợp tác đơn lẻ sang hợp tác có hệ thống, định hình rõ chiến lược hội nhập khu vực và toàn cầu trong đường lối đối ngoại của Đảng những năm cuối thế kỷ XX.

Bước vào thế kỷ XXI, để đáp ứng yêu cầu mới trong tiến trình phát triển và hội nhập sâu rộng, Đại hội IX của Đảng (năm 2001) xác định chủ trương “chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững”⁽⁶⁾.

Trên cơ sở đó, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo: chủ động hội nhập trên cơ sở phát huy nội lực, giữ vững độc lập - tự chủ và bản sắc dân tộc; hội nhập vừa là hợp tác, vừa là cạnh tranh, đòi hỏi khôn khéo, linh hoạt; gắn hội nhập với an ninh, quốc phòng, cảnh giác với âm mưu “diễn biến hòa bình”⁽⁷⁾. Nghị quyết số 07-NQ/TW là bước chuẩn bị quan trọng để Việt Nam tham gia sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu, nhất là tiến trình gia nhập WTO nhằm tạo đòn bẩy thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác tôn giáo đã nêu quan điểm: “hướng dẫn các tôn giáo thực hiện quan hệ đối ngoại phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước; đấu tranh làm thất bại những luận điệu, tuyên truyền xuyên tạc, vu khống của các thế lực thù địch bên ngoài đối với tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở nước ta”⁽⁸⁾.

Cũng trong năm 2003, trước yêu cầu đặt ra đối với an ninh quốc gia và chủ quyền dân tộc, Hội nghị Trung ương 8 khóa IX đã ban hành Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết đánh dấu sự điều chỉnh quan trọng về nhận thức chiến lược trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là việc phân định rõ ràng giữa đối tác và đối tượng - một yếu tố then chốt để Việt Nam vừa hội nhập sâu rộng, vừa giữ vững độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia.

Nhằm đẩy mạnh công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới, sau 17 năm thực hiện Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20-9-1994 về mở rộng và đổi mới hoạt động đối ngoại nhân dân, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06-7-2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Chỉ thị số 04-CT/TW tiếp tục định hướng đổi mới toàn diện hoạt động đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự phối hợp chặt chẽ giữa ba trụ cột: đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Đối với lĩnh vực tôn giáo, Chỉ thị nhấn mạnh việc huy động các tổ chức, tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh chống lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo; đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ⁽⁹⁾.

Đại hội XII của Đảng (năm 2016) hoàn thiện thêm đường lối đối ngoại toàn diện, hiện đại, phù hợp với vị thế mới của Việt Nam, với phương châm: “Đa dạng hóa, đa phương hóa; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁽¹⁰⁾. Mục tiêu đối ngoại là bảo

đảm lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, trong đó nhấn mạnh đẩy mạnh đối ngoại đa phương, đặc biệt với ASEAN và Liên hợp quốc.

Tiếp nối tinh thần Đại hội XII, Đại hội XIII của Đảng xác định: lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm trung tâm, xây dựng nền ngoại giao “toàn diện, hiện đại” với ba trụ cột: đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Đại hội nhấn mạnh việc nâng tầm đối ngoại đa phương, phát huy vai trò tại các cơ chế như ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác Mê Kông, đồng thời đẩy mạnh ngoại giao văn hóa và công tác với người Việt Nam ở nước ngoài⁽¹¹⁾.

Nhằm cụ thể hóa đường lối đối ngoại của Đại hội XIII, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05-01-2022 về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới. Tiếp nối tinh thần của Chỉ thị số 04-CT/TW năm 2011, Chỉ thị số 12-CT/TW khẳng định vai trò quan trọng của đối ngoại nhân dân trong công tác đối ngoại toàn diện, hiện đại; nâng tầm đối ngoại đa phương qua sự tham gia của các tổ chức nhân dân và đẩy mạnh công tác với người Việt Nam ở nước ngoài, nhất là thế hệ trẻ⁽¹²⁾.

Tựu trung, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đối ngoại đã không ngừng được hoàn thiện, thể hiện rõ tư duy độc lập, chủ động, hòa bình, hội nhập và phát triển bền vững. Các nghị quyết, chỉ thị đều hướng tới những mục tiêu chiến lược không thay đổi là bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tranh thủ điều kiện thuận lợi để phát triển và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Trên lĩnh vực tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế của các tổ chức, cá nhân tôn giáo là một bộ phận quan trọng của đối ngoại nhân

dân. Đây là kênh tiếp xúc mềm dẻo, mang tính nhân văn sâu sắc, giúp nhân dân thế giới nhận thức rõ hơn về chính sách tôn giáo của Việt Nam, đồng thời cũng tạo điều kiện để các tổ chức, chức sắc, tín đồ tôn giáo trong nước mở rộng tầm nhìn, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hơn nữa, việc tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế với các tổ chức tôn giáo trên thế giới không chỉ phục vụ mục tiêu giao lưu văn hóa, tôn giáo, mà còn là phương tiện đấu tranh hiệu quả trên mặt trận tư tưởng, ngoại giao nhân dân. Đồng thời, đây cũng là phương thức hiệu quả để đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc tình hình tôn giáo ở Việt Nam. Việc chủ động hội nhập quốc tế trên lĩnh vực tôn giáo sẽ góp phần tăng cường hiệu quả của công tác đối ngoại nhân dân, phù hợp với tinh thần Chỉ thị số 12-CT/TW năm 2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.

2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo

Giai đoạn trước khi ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến trước năm 2016), hệ thống pháp lý liên quan đến hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo còn mang tính hướng dẫn, chưa có tính chế tài cao.

Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lần đầu tiên hiến định quyền tự do tín ngưỡng, coi đó là một trong năm quyền cơ bản của công dân⁽¹³⁾. Dù không quy định trực tiếp về quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, nhưng đây là nền tảng pháp lý đầu tiên khẳng định sự tồn tại hợp pháp của tôn giáo, mở đường cho các hoạt động giao lưu quốc tế.

Sắc lệnh số 234/SL ngày 14-6-1955 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời đặt nền tảng pháp lý cho các hoạt động tôn giáo, bao gồm cả quan hệ quốc tế. Sắc lệnh quy định: (1) Tu sĩ nước ngoài muốn hoạt động tôn giáo tại Việt Nam phải được Chính phủ cho phép và tuân thủ pháp luật Việt Nam (Điều 3)⁽¹⁴⁾; (2) Việc xuất bản kinh sách tôn giáo phải tuân theo luật xuất bản (Điều 4)⁽¹⁵⁾; (3) Nghiêm cấm lợi dụng tôn giáo để chống phá Nhà nước, tuyên truyền trái pháp luật, xâm phạm đoàn kết dân tộc (Điều 7)⁽¹⁶⁾. Rõ ràng, tinh thần xuyên suốt của Sắc lệnh 234/SL là mọi hoạt động tôn giáo, trong đó có quan hệ quốc tế, phải tuân thủ pháp luật hiện hành và bảo đảm chủ quyền quốc gia.

Sau ngày đất nước thống nhất, nhằm thống nhất quản lý nhà nước về tôn giáo, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 297/CP ngày 11-1-1977 về một số chính sách đối với tôn giáo. Mục tiêu của Nghị quyết 297/CP là bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống lợi dụng tôn giáo phá hoại đất nước. Về quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, Nghị quyết quy định: (1) Mọi tổ chức, cá nhân tôn giáo muốn quan hệ với nước ngoài phải tuân theo quy định của Nhà nước (chương II, mục 6, khoản a)⁽¹⁷⁾; (2) Giáo hội Công giáo Việt Nam được quan hệ với Vatican nhưng phải tôn trọng pháp luật, việc phong giám mục trở lên cần được Chính phủ chấp thuận trước (chương II, mục 6, khoản b)⁽¹⁸⁾; (3) Tài liệu tôn giáo từ nước ngoài nếu trái pháp luật sẽ bị cấm phổ biến (chương II, mục 6, khoản c)⁽¹⁹⁾. Nghị quyết số 297/CP là một trong những văn bản nền tảng định hướng chính sách tôn giáo trong thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc

biệt trong việc xác lập rõ chủ quyền quốc gia trong quản lý tôn giáo và giới hạn hợp lý đối với ảnh hưởng từ nước ngoài.

Tiếp theo, Nghị định 69/HĐBT ngày 21-3-1991 quy định về các hoạt động tôn giáo đánh dấu bước tiến trong thể chế hóa chính sách tôn giáo trong thời kỳ đổi mới. Nghị định 69/HĐBT bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời quản lý chặt chẽ việc lợi dụng tôn giáo, đặc biệt trong quan hệ quốc tế (Điều 22-25): Mọi quan hệ với tổ chức tôn giáo nước ngoài, phong chức, viện trợ từ nước ngoài phải xin phép, thực hiện qua cơ quan nhà nước có thẩm quyền⁽²⁰⁾.

Nghị định 26/1999/NĐ-CP thay thế Nghị định 69/HĐBT, quy định chi tiết và cởi mở hơn, đồng thời nhấn mạnh nguyên tắc tuân thủ pháp luật, tôn trọng chủ quyền, vì hòa bình và hợp tác và hữu nghị (Điều 23). Văn bản cũng quy định cụ thể về việc mời giảng đạo, học tập, tham dự hội nghị và tiếp nhận tài trợ quốc tế⁽²¹⁾.

Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo (ban hành ngày 18-6-2004, có hiệu lực từ ngày 15-11-2004 là văn bản pháp lý quan trọng, khẳng định nguyên tắc quan hệ quốc tế về tôn giáo phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp nội bộ, bình đẳng, các bên cùng có lợi, phù hợp với pháp luật mỗi bên, pháp luật và thông lệ quốc tế⁽²²⁾. Chương V (Điều 34-37) quy định cụ thể về quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ như: mời tổ chức/người nước ngoài vào Việt Nam, tham gia hoạt động tôn giáo ở nước ngoài, cử người đi đào tạo hay mời chức sắc nước ngoài giảng đạo tại Việt Nam.

Để hướng dẫn thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01-3-2005 quy định chi tiết về quản lý quan hệ quốc tế trong

tôn giáo qua các thủ tục xin phép, đăng ký, phân cấp rõ ràng. Sau đó, Nghị định số 92/2012/NĐ-CP thay thế Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, cụ thể hóa, bổ sung thủ tục, trách nhiệm, thời hạn rõ ràng, tăng tính minh bạch và khả thi trong thực tiễn. Hai Nghị định thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là tôn trọng tự do tín ngưỡng, khuyến khích hợp tác quốc tế dưới sự quản lý chặt chẽ của pháp luật để bảo đảm an ninh, trật tự và chủ quyền quốc gia.

Từ Hiến pháp năm 2013 đến nay, đặc biệt là kể từ sau khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, quyền và nghĩa vụ của tổ chức tôn giáo trong hoạt động quốc tế được luật hóa toàn diện, tạo khung pháp lý minh bạch, chi tiết, hạn chế sự tùy tiện trong thực thi.

Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng, bảo hộ quyền này và nghiêm cấm xâm phạm hoặc lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật⁽²³⁾. Theo quy định này, Nhà nước cam kết bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, quyền tự do này có thể được thực hiện cả trong nước và trong quan hệ quốc tế, phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 18-11-2016, có hiệu lực từ 01-01-2018 đã xác lập khung pháp lý đầy đủ cho các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó bao gồm cả quan hệ quốc tế. Luật dành riêng mục 2 của chương VI quy định về “Hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài” gồm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Điều 47); hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo của tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (Điều 48);

người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (Điều 49); Tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài (Điều 50); phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài (Điều 51); hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tính đồ (Điều 52); gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài (Điều 53)⁽²⁴⁾.

Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30-12-2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo bổ sung trình tự, thủ tục chấp thuận, đăng ký phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử có yếu tố nước ngoài (Điều 17, 18). Về tiếp nhận tài trợ nước ngoài, tổ chức tôn giáo phải tuân thủ quy định của Chính phủ về quản lý viện trợ không hoàn lại khi sử dụng cho đào tạo, xây dựng cơ sở, tổ chức lễ, xuất bản hoặc nhập khẩu kinh sách, đồ dùng tôn giáo (Điều 20)⁽²⁵⁾.

Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29-12-2023 thay thế Nghị định số 162/2017/NĐ-CP bổ sung quy định về thay đổi “người đại diện” và “địa điểm sinh hoạt” tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp; thêm điều khoản cụ thể về tiếp nhận tài trợ nước ngoài với yêu cầu thông báo, báo cáo, giải trình rõ ràng; cho phép hình thức tổ chức trực tuyến, hoặc kết hợp hình thức trực tuyến với hình thức trực tiếp và chế tài nghiêm nếu sai phạm⁽²⁶⁾.

So với Nghị định 162/2017/NĐ-CP, Nghị định số 95/2023/NĐ-CP không chỉ mở rộng và làm rõ khung pháp lý, mà còn bảo đảm quy trình minh bạch, quản lý chặt chẽ, hỗ trợ tổ chức tôn giáo hoạt động chuyên nghiệp hơn, đồng thời tăng hiệu quả giám sát từ Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc an toàn và bảo vệ lợi ích cộng đồng.

Như vậy, từ năm 2016 với sự ra đời của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trong chính sách, pháp luật về hoạt động quan hệ quốc tế của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam. Đây là bước ngoặt quan trọng, khi Nhà nước không chỉ mở cửa hoạt động quốc tế cho các tổ chức tôn giáo mà còn nâng cấp hệ thống pháp lý, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình, đồng thời phân quyền hợp lý từ trung ương đến địa phương. Nhờ vậy, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam có điều kiện thuận lợi để giao lưu, hợp tác quốc tế, đóng góp tích cực cho kênh đối ngoại nhân dân, trong khi Nhà nước vẫn duy trì khả năng giám sát hiệu quả để bảo đảm giữ vững an ninh, chủ quyền và đoàn kết toàn dân tộc.

3. Kết luận

Đối ngoại tôn giáo là một phần quan trọng trong tổng thể chính sách đối ngoại của Việt Nam, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh địa chính trị hiện nay. Quan điểm của Đảng về đối ngoại, bao gồm cả đối ngoại nhân dân cùng với chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động quan hệ quốc tế của tôn giáo thể hiện rõ sự nhất quán và linh hoạt trong đường lối đối ngoại nói chung và đối ngoại tôn giáo nói riêng. Việc nhận thức đúng đắn và đầy đủ về vấn đề này cùng những quan điểm, chính sách ngày càng cụ thể, minh bạch, không chỉ tạo nền tảng để các tổ chức tôn giáo triển khai hiệu quả các hoạt động quan hệ quốc tế phù hợp với pháp luật, mà còn góp phần phát huy vai trò tích cực của tôn giáo trong thúc đẩy đối ngoại nhân dân, tăng cường giao lưu văn hóa, đồng thời là cơ sở để đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia - dân tộc □

Ngày nhận bài: 23-7-2025; Ngày bình duyệt: 10-10-2025; Ngày duyệt đăng: 22-10-2025.

Email tác giả: thanhhanghh2015@gmail.com

(1) Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.30-31.

(2) Nguyễn Cơ Thạch: “Những chuyển biến trên thế giới và tư duy của chúng ta”, *Tạp chí Quan hệ quốc tế*, số 1-1990, tr.7.

(3) Xem: Lê Văn Phong: “Quá trình bổ sung, hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, <https://lyluanchinhtri.vn>, ngày đăng 07-5-2015.

(4) ĐCSVN: *Nghị quyết số 08A-NQ/HNTW ngày 27-3-1990, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

(5) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.88.

(6) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.24.

(7) Xem: ĐCSVN: *Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 27-11-2001 của Bộ Chính trị về hội nhập kinh tế quốc tế*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

(8) ĐCSVN: *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12-3-2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>.

(9) Bộ Chính trị: *Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 06-7-2011 về Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(10) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.35.

(11) Xem: Bùi Thanh Sơn: “Đại hội XIII của Đảng

tiếp tục bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, đăng ngày 10-12-2021.

(12) Ban Chấp hành Trung ương: *Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05-01-2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(13) Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *Hiến pháp năm 1946*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(14), (15), (16) Văn phòng Quốc hội: *Sắc lệnh số 234/SL ngày 14-6-1955 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, <https://vanban.chinhphu.vn>.

(17), (18), (19) Hội đồng Chính phủ: *Nghị quyết số 297/CP ngày 11-11-1977 về Một số chính sách đối với tôn giáo*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(20) Văn phòng Quốc hội: *Nghị định số 69/HĐBT ngày 21-3-1991 quy định về các hoạt động tôn giáo*, <https://chinhphu.vn>.

(21) Xem: Chính phủ: *Nghị định số 26/1999/NĐ-CP ngày 19-4-1999 về các hoạt động tôn giáo*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(22) Ủy ban Thường vụ Quốc hội: *Pháp lệnh ngày 18-6-2004 về Tín ngưỡng, tôn giáo*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(23) Quốc hội: *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 28-11-2013, <https://thuvienphapluat.vn>.

(24) Xem: Quốc hội: *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, ngày 18-11-2016, <https://thuvienphapluat.vn>.

(25) Xem: Chính phủ: *Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30-12-2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, <https://thuvienphapluat.vn>.

(26) Xem: Chính phủ: *Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29-12-2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, <https://thuvienphapluat.vn>.